

## ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **E-ĐKCT** phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

<b>A. Các quy định chung</b>	
<b>E-ĐKC 1.4</b>	Chủ đầu tư là: Ban quản lý dự án xã Xuân Đài Địa chỉ: ..... Điện thoại: ..... Mã số thuế: ..... Tài khoản: .....
<b>E-ĐKC 1.7</b>	Công trình bao gồm 01 gói thầu thi công xây dựng công trình: Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trụ sở UBND xã Xuân Đài và các hạng mục phụ trợ.
<b>E-ĐKC 1.10</b>	Địa điểm Công trường tại UBND xã Xuân Đài, tỉnh Phú Thọ. Được xác định trong bản vẽ số: Kèm theo Quyết định phê duyệt dự án số 480/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 của UBND tỉnh Phú Thọ.
<b>E-ĐKC 1.16</b>	Ngày hoàn thành là: Nhà thầu phải hoàn thành toàn bộ công việc theo nội dung của hợp đồng trong khoảng thời gian 60 ngày kể từ ngày khởi công công trình.
<b>E-ĐKC 1.17</b>	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: Nhà thầu phải hoàn thành toàn bộ công việc theo nội dung của hợp đồng trong khoảng thời gian 60 ngày kể từ ngày khởi công công trình.
<b>E-ĐKC 1.18</b>	Ngày khởi công là: Ngày .... tháng .... năm 202..
<b>E-ĐKC 1.19</b>	Nhà thầu là: ..... Địa chỉ: ..... E-mail: ..... Điện thoại: ..... Fax: ..... Tài khoản: ..... Mã số thuế: ..... Mã định danh: .....
<b>E-ĐKC 1.29</b>	Tư vấn quản lý dự án: .....; Tư vấn giám sát là: ..... Địa chỉ: ..... Mã số thuế: .....
<b>E-ĐKC 2.1</b>	Hoàn thành từng phần: Theo quy định tại E-ĐKC 1.16 và E-ĐKC.17.

<p><b>E-ĐKC 2.3(i)</b></p>	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp đồng, các tài liệu kèm theo hợp đồng và các phụ lục hợp đồng;</li> <li>- E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung chi tiết và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);</li> <li>- Biên bản hoàn thiện hợp đồng;</li> <li>- E-ĐKC của hợp đồng;</li> <li>- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</li> <li>- Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;</li> <li>- E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu (nếu có);</li> <li>- E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);</li> <li>- Các tài liệu khác có liên quan (Bảo đảm thực hiện hợp đồng; Bảo lãnh tiền tạm ứng [nếu có]; ...).</li> </ul>
<p><b>E-ĐKC 5.2</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: Nhà thầu nộp thư bảo lãnh để bảo đảm trách nhiệm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với tổng giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là: ..... <b>đồng</b> cho Chủ đầu tư trước thời điểm hai bên ký kết hợp đồng.</li> <li>- Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: <b>cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định</b></li> <li>- Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ theo mẫu của E-HSMT.</li> </ul>
<p><b>E-ĐKC 5.4</b></p>	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu bảo đảm thực hiện hợp đồng khi Nhà thầu đã hoàn thành các công việc theo hợp đồng và Chủ đầu tư nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định (Không trả lại thư bảo đảm thực hiện hợp đồng).</p>
<p><b>E-ĐKC 8.2(d)</b></p>	<p>Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá <b>07 ngày</b>, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.</p>
<p><b>E-ĐKC 8.8(a)</b></p>	<p>Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu <b>03 ngày</b>, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường</p>
<p><b>E-ĐKC 8.11</b></p>	<p>Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: <b>03 ngày</b> kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.</p>
<p><b>E-ĐKC 9.3</b></p>	<p>Nhà thầu đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá <b>03 ngày</b>, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên</p>

	liên quan.
<b>E-ĐKC 11.1</b>	Danh sách nhà thầu phụ: Nhà thầu không đề xuất nhà thầu phụ trong E-HSDT
<b>E-ĐKC 11.2</b>	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: <b>20% giá hợp đồng.</b>
<b>E-ĐKC 11.4</b>	<p>Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ:</p> <p>1. Khi ký hợp đồng thầu phụ, Nhà thầu phải thực hiện theo các quy định sau:</p> <p>a) Đối với các Nhà thầu phụ không có trong danh sách thầu phụ kèm theo hợp đồng thì phải được Chủ đầu tư chấp thuận;</p> <p>b) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, tiến độ, chất lượng, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và sai sót của mình và các công việc nghĩa vụ khác đối với phần việc do các Nhà thầu phụ thực hiện;</p> <p>c) Nhà thầu không được giao cho Nhà thầu phụ thực hiện vượt quá <b>20% giá trị hợp đồng.</b></p> <p>2. Nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định (nếu có)</p> <p>a) Nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định là một Nhà thầu được Chủ đầu tư chỉ định cho Nhà thầu thuê làm Nhà thầu phụ để thực hiện một số phần việc chuyên ngành có yêu cầu kỹ thuật cao hoặc khi Nhà thầu không đáp ứng được tiến độ thực hiện hợp đồng sau khi Chủ đầu tư đã yêu cầu.</p> <p>b) Nhà thầu có quyền từ chối Nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định nếu công việc Nhà thầu đang thực hiện vẫn tuân thủ đúng các thỏa thuận trong hợp đồng hoặc có đầy đủ cơ sở cho rằng Nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định không đáp ứng được các yêu cầu theo hợp đồng.</p> <p>3. Chủ đầu tư có thể thanh toán trực tiếp cho Nhà thầu phụ trên cơ sở đề xuất thanh toán của Nhà thầu (hoặc theo thỏa thuận khác của các bên).</p> <p>4. Hợp tác với Nhà thầu khác.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phải hợp tác với các Nhà thầu khác và các đơn vị liên quan cùng làm việc trên công trường trong khoảng thời gian làm việc của các Nhà thầu, đơn vị liên quan đó theo kế hoạch. Trường hợp thay đổi kế hoạch làm việc của các Nhà thầu khác, Chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về những thay đổi đó.</p> <p>Trường hợp có quy định trong thông số kỹ thuật hoặc theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải hợp tác và tạo điều kiện phù hợp cho nhân sự của Chủ đầu tư và các nhân sự khác tiến hành đánh giá tác động</p>

	<p>môi trường và xã hội. Chủ đầu tư phải thông báo trước cho Nhà thầu về việc này.</p> <p>5. Hợp đồng thầu phụ thực hiện theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan. Các nội dung trong hợp đồng thầu phụ có thể tham khảo các mẫu hợp đồng tại phụ lục kèm theo Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.</p>
<b>E-ĐKC 19.1</b>	<p>Yêu cầu về bảo hiểm: Nhà thầu phải thực hiện mua bảo hiểm đối với các thiết bị, nhân lực của Nhà thầu, bảo hiểm đối với bên thứ 3 trước khi triển khai thi công theo quy định và đảm bảo rằng Chủ đầu tư không phải chịu trách nhiệm mọi yêu cầu bồi thường từ bất kỳ một bên thứ ba nào cho tất cả mọi tai nạn hoặc rủi ro nào xảy ra trên công trường trong phạm vi thực hiện hợp đồng của Nhà thầu (Nhà thầu phải tự chủ động nghiên cứu điều kiện thực tế để có giải pháp thi công phù hợp nhằm giảm thiểu rủi ro ảnh hưởng đến công trình lân cận trong suốt quá trình thi công, hoạt động của máy móc thiết bị,... gây ra chấn động, dịch chuyển kết cấu có thể dẫn đến nứt, sụt lún, hư hỏng nhà ở, công trình lân cận). Để đảm bảo chất lượng và tiến độ công trình, trong trường hợp thi công qua các khu dân cư, các thiết bị thi công có gây chấn động làm ảnh hưởng đến các công trình liền kề thì Nhà thầu phải có giải pháp thi công phù hợp và tự huy động các thiết bị thi công thay thế khác có tính năng phù hợp. Trường hợp nếu có phát sinh hư hỏng, tổn thất phải bồi thường do các yếu tố và nguyên nhân trên, Nhà thầu phải có trách nhiệm bồi thường cho bên bị thiệt hại (nếu có) bằng nguồn kinh phí của mình để đảm bảo tiến độ thi công liên tục và không bị gián đoạn, hoặc Nhà thầu có giải pháp khắc phục trong quá trình thực hiện thi công dự án. Việc chậm trễ tiến độ do các vướng mắc về bảo hiểm không phải là lý do khách quan trong việc đánh giá vi phạm tiến độ thực hiện gói thầu (trừ trường hợp bất khả kháng).</p>
<b>E-ĐKC 20.1(a)</b>	<p>Thời gian bảo hành công trình: <b>12 tháng</b>, kể từ ngày công trình được Chủ đầu tư nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.</p>
<b>E-ĐKC 21</b>	<p>Thông tin về Công trường là: Được xác định trong <b>480/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 của UBND xã Xuân Đài</b>.</p>
<b>E-ĐKC 24</b>	<p>Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Khi có thông báo hoặc bàn giao mặt bằng của Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư.</p>
<b>E-ĐKC 27.2</b>	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: Các bên tự thương lượng, hòa giải trong vòng <b>45 ngày</b> kể từ ngày phát sinh tranh chấp.</p> <p>Giải quyết tranh chấp: Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết tranh</p>

	<p>chấp bằng biện pháp hòa giải. Trong trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng <b>15 ngày (mười lăm ngày)</b> kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Toà án) theo quy định của pháp luật. Quyết định của trọng tài (hoặc Toà án) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên..</p>
<b>B. Quản lý thời gian</b>	
<b>E-ĐKC 28</b>	<p>- Ngày khởi công: ... <b>tháng .... năm 2025.</b></p> <p>- Ngày hoàn thành dự kiến: .... <b>tháng .... năm 202...</b></p>
<b>E-ĐKC 29.1</b>	<p>Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng <b>07 ngày</b> từ ngày ký Hợp đồng. Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư xem xét, chấp thuận Biểu tiến độ thi công chi tiết bao gồm đầy đủ nội dung theo quy định và phù hợp với E-HSMT. Tiến độ thực hiện hợp đồng phải thể hiện các mốc tiến độ các hạng mục công việc chính của gói thầu (<i>thời gian chuẩn bị, thời gian khởi công, thời gian hoàn thành</i>)</p>
<b>E-ĐKC 29.4</b>	<p>- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: <b>25 hàng tháng</b> hoặc trong vòng <b>07 ngày</b> kể từ ngày Chủ đầu tư có văn bản yêu cầu, Nhà thầu phải cập nhật biểu tiến độ thi công chi tiết và trình Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>- Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: khoảng <b>50.000.000 VNĐ</b> giá trị hợp đồng cho mỗi ngày nộp muộn.</p>
<b>E-ĐKC 30.7</b>	<p>Các trường hợp khác:</p> <p>1. Điều chỉnh đơn giá, khối lượng công việc, một số nội dung khác trong hợp đồng và giá hợp đồng xây dựng</p> <p>a) Việc điều chỉnh khối lượng công việc và một số nội dung khác trong hợp đồng theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.</p> <p>b) Điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng theo hướng dẫn tại Phụ lục I Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.</p> <p>c) Giá hợp đồng được điều chỉnh trong một số trường hợp quy định tại Điều 21 [Sự kiện bồi thường] và khi Nhà nước thay đổi chính sách làm ảnh hưởng tới giá hợp đồng.</p> <p>2. Tiến độ thực hiện hợp đồng được điều chỉnh trong các trường hợp sau:</p> <p>- Do ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn,</p>

địch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác;

- Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Chủ đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;

- Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Nhà thầu gây ra;

- Do việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng, tạm dừng hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng mà không do lỗi của Nhà thầu gây ra;

- Do ảnh hưởng của mùa mưa kéo dài (thời tiết bất lợi) và vượt quá thời gian mưa trung bình năm gần nhất (phải có tài liệu chứng lượng mưa trung bình năm của khu vực công trình).

- Do lỗi vi phạm của Nhà thầu và sau khi đã được người có thẩm quyền chấp thuận gia hạn thời gian thực hiện gói thầu.

3. Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng không làm kéo dài tổng tiến độ thực hiện hợp đồng (bao gồm cả thời gian được kéo dài tiến độ thực hiện hợp đồng theo quy định của hợp đồng xây dựng) thì Chủ đầu tư và Nhà thầu thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ mà vượt quá thời gian thực hiện gói thầu được phê duyệt thì Chủ đầu tư phải báo cáo Người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định.

4. Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng xây dựng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39 của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm đánh giá tác động của các sự kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

5. Trường hợp tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 39 của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP cần thực hiện các công việc sau:

- Chủ đầu tư, Nhà thầu căn cứ yêu cầu tạm dừng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đánh giá tác động đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

- Trường hợp phát sinh chi phí do kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư, Nhà thầu căn cứ nội dung hợp đồng, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự kiện dẫn đến tạm dừng thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận về các khoản mục chi phí phát sinh hợp lý.

6. Trường hợp nhà thầu vi phạm về tiến độ, chất lượng, ATGT,

ATLĐ, VSMT... bị Chủ đầu tư, cơ quan quản lý có văn bản tạm dừng thi công. Việc tạm dừng thi công này không được làm ảnh hưởng đến mốc hoàn thành của hợp đồng. Nhà thầu phải có biện pháp đẩy nhanh tiến độ để bù vào thời gian bị đình chỉ do lỗi chủ quan của nhà thầu.

7. Trường hợp thi công các hạng mục, kết cấu chịu lực liên quan tới nhau nhưng do các thành viên liên danh cùng thực hiện (như nền, móng mặt đường...), nếu hạng mục không đảm bảo chất lượng thuộc trách nhiệm thành viên liên danh nào thì thành viên đó phải chịu trách nhiệm khắc phục những hạng mục không đảm bảo chất lượng đó. Đồng thời các thành viên liên danh cùng có trách nhiệm phối hợp để khắc phục nhằm đảm bảo chất lượng tổng thể công trình, không làm ảnh hưởng đến tiến độ chung của gói thầu.

8. Trường hợp có hạng mục không đảm bảo chất lượng mà không phân định được trách nhiệm giữa các Nhà thầu, Chủ đầu tư sẽ thuê Tư vấn độc lập để kiểm định chất lượng, thí nghiệm đối chứng. Đánh giá nguyên nhân và kết luận của Tư vấn là cơ sở để các Nhà thầu xác định trách nhiệm phải khắc phục. Chi phí chi trả cho Tư vấn sẽ được khấu trừ qua giảm trừ kinh phí của Nhà thầu (theo tỷ lệ giữa các thành viên liên danh).

9. Nhà thầu phải thực hiện nghiêm túc, đầy đủ nội dung yêu cầu theo chỉ đạo tại Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 19/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường bộ trong tình hình mới và Công điện số 55/CD-BGTVT ngày 14/11/2023 của Bộ trưởng Bộ GTVT về tăng cường công tác quản lý chất lượng công trình, an toàn lao động.

10. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phải thực hiện công tác đảm bảo ATGT, ATLĐ và VSMT theo Chỉ thị số 01/CT-BGTVT ngày 19/01/2023 của Bộ GTVT, cụ thể: - Lập biện pháp đảm bảo an toàn giao thông, kế hoạch tổng hợp về an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định, trình TVGS/Chủ đầu tư chấp thuận trước khi triển khai thi công;

- Phải bố trí cán bộ có chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện công tác quản lý an toàn lao động;

- Công nhân và cán bộ thi công tại công trường phải mặc trang phục có tên hoặc logo của Nhà thầu, có đầy đủ trang bị bảo hộ lao động đáp ứng các yêu cầu về an toàn lao động theo quy định (giày, mũ, dây an toàn, găng tay...).

- Tổ chức tập huấn, phổ biến, hướng dẫn cho cán bộ, công nhân và các đối tượng có liên quan trên công trường về các biện pháp đảm bảo ATGT, ATLĐ và VSMT.

	<p>11. Đất, đá dư thừa của dự án:</p> <p>11.1. Đối với đất cấp 3 dư thừa của dự án được tập kết tận dụng để đắp cho Dự án: Sửa chữa giao thông sau mưa bão trên tuyến đường tỉnh 316E, địa bàn huyện Tân Sơn khoảng: 540 m<sup>3</sup> (dự án triển khai cùng thời điểm do Sở Xây dựng tỉnh Phú Thọ làm chủ đầu tư).</p> <p>11.2. Đất đá dư thừa (còn lại) sau khi tận dụng để đắp cho dự án trên được đổ đi tại vị trí theo quy hoạch bãi đổ thải được cấp thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo vệ sinh, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành; dự kiến vị trí đổ tại Khu 13, xã Đào Xá, tỉnh Phú Thọ.</p> <p>Trường hợp trong quá trình thực hiện, vị trí bãi đổ thải có sự sai khác với vị trí trên, nhà thầu phải có trách nhiệm báo cáo Chủ đầu tư để điều chỉnh đảm bảo phù hợp theo quy định.</p>
<b>C. Quản lý chất lượng</b>	
<b>E-ĐKC 33.2</b>	<p>Vật tư, máy móc, thiết bị: Vật tư, thiết bị đưa vào xây lắp công trình phải có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, tuân thủ những yêu cầu của gói thầu được nêu trong chỉ dẫn kỹ thuật/thuyết minh thiết kế và phù hợp với HSDT của nhà thầu, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với thép xây dựng và xi măng phải có Giấy chứng chỉ chất lượng hoặc lý lịch lô sản phẩm và giấy tờ tương ứng.</li> <li>- Đối với các vật liệu xây dựng (VLXD) khai thác từ các mỏ thiên nhiên (cát, đá, đất) phải kê khai tên mỏ, địa điểm khai thác sản xuất VLXD cung cấp cho gói thầu.</li> <li>- Các thiết bị lắp đặt vào công trình (mua sắm cho công trình này) nếu có phải xuất trình các loại giấy tờ: catalo, giấy tờ xuất, nhập khẩu, thuế nhập khẩu, hồ sơ lý lịch máy, hướng dẫn vận hành khai thác, bảo dưỡng và các chứng chỉ an toàn (nếu có quy định của pháp luật).</li> <li>- Các thiết bị thi công, xe máy chuyên dùng để thực hiện gói thầu mà pháp luật quy định phải có Giấy chứng nhận kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định tại Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 và số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30/7/2018 của Bộ GTVT, các quy định khác của pháp luật thì nhà thầu phải đệ trình cho chủ đầu tư, tư vấn giám sát Giấy chứng nhận kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ít nhất <b>10 ngày</b> trước khi thi công hạng mục có sử dụng thiết bị thi công, xe máy chuyên dùng đó.</li> </ul>
<b>D. Quản lý chi phí</b>	
<b>E-ĐKC 40</b>	Loại hợp đồng: Trọn gói
<b>E-ĐKC 41.1</b>	Giá hợp đồng: .....

<p><b>E-ĐKC 42.1</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạm ứng: Không được vượt quá 30% giá trị hợp đồng (phù hợp với kế hoạch vốn được cấp).</li> <li>- Thời gian tạm ứng: Thống nhất trong quá trình ký kết hợp đồng.</li> </ul>
<p><b>E-ĐKC 44.1</b></p>	<p>Phương thức thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản;</li> <li>- Đồng tiền thanh toán: Giá hợp đồng sẽ được thanh toán bằng đồng tiền Việt Nam (VNĐ).</li> <li>- Việc thanh toán được thực hiện trên cơ sở khối lượng công việc thực tế hoàn thành của Nhà thầu được nghiệm thu nhân với đơn giá trong hợp đồng.</li> <li>- Nguồn vốn thanh toán và tiến độ thanh toán tuân theo kế hoạch bố trí vốn của dự án; trường hợp kế hoạch vốn của dự án chưa được bố trí, thì trong mọi trường hợp chủ đầu tư sẽ không phải trả chi phí tiền lãi nếu có đối với bất kỳ khoản thanh toán chậm của hợp đồng;</li> <li>- Thời hạn thanh toán: Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng <b>45 ngày làm việc</b>, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Nhà thầu khi dự án đã được cấp vốn.</li> <li>- Hồ sơ thanh toán: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực tế trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư, đại diện Nhà thầu tư vấn giám sát và đại diện Nhà thầu;</li> <li>+ Bảng xác định giá trị cho những công việc chưa có đơn giá trong hợp đồng (nếu có), trong đó cần thể hiện cả khối lượng và đơn giá cho các công việc này có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư, đại diện Nhà thầu Tư vấn giám sát và đại diện Nhà thầu;</li> <li>+ Đề nghị thanh toán của Nhà thầu cần thể hiện các nội dung: Giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và đại diện Nhà thầu.</li> </ul> </li> <li>- Chủ đầu tư có quyền xem xét tạm dừng thanh toán trong trường hợp phát hiện Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định, điều kiện hợp đồng; việc Nhà thầu chưa hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình, trì hoãn kéo dài việc khắc phục các sai sót, các vi phạm làm ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng, an toàn, đem đến các rủi ro cho chủ đầu tư, ảnh hưởng đến uy tín Chủ đầu tư, Chủ đầu tư sẽ thực hiện các biện pháp xử lý vi phạm theo quy định của hợp đồng.</li> <li>- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Chủ đầu tư nhận thấy khả năng cung ứng tài chính của Nhà thầu độc lập hoặc bất kỳ thành</li> </ul>

	<p>viên liên danh nào cho gói thầu không đáp ứng, không đủ dòng tiền để triển khai thi công thì Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu mở một tài khoản tại một Ngân hàng do Chủ đầu tư chỉ định để chi cho gói thầu này.</p> <p>- Trong quá trình thi công xây dựng công trình đến khi hoàn thành bàn giao hết bảo hành công trình, trường hợp vật liệu, sản phẩm xây dựng, công trình xây dựng có dấu hiệu không đảm bảo chất lượng hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, Chủ đầu tư sẽ tổ chức thuê đơn vị tư vấn kiểm định chất lượng công trình hoặc thí nghiệm đối chứng. Trường hợp kết quả kiểm định chứng minh lỗi của nhà thầu thì nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí thực hiện kiểm định theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP. Chi phí chi trả cho tư vấn kiểm định (theo quy định) sẽ được Chủ đầu tư khấu trừ từ hồ sơ thanh toán của nhà thầu hoặc từ phần kinh phí bảo hành giữ lại.</p>
<b>E-ĐKC 45</b>	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</p>
<b>E-ĐKC 46.1</b>	<p>Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: Tiền giữ lại bảo hành từ số tiền thanh toán là <b>5%</b> giá trị lũy kế khối lượng hoàn thành để Nhà thầu thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình. Tiền giữ lại chỉ được thanh toán khi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Các Bên đã đủ căn cứ để xác định Nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ bảo hành công trình theo quy định hoặc;</li> <li>+ Khi Nhà thầu nộp thay thế bằng Bảo lãnh bảo hành của một Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam với giá trị bằng với khoản tiền giữ lại.</li> <li>+ Trong những kỳ thanh toán cuối (sau khi đã thu hồi hết số tiền tạm ứng), Chủ đầu tư sẽ giữ lại kinh phí “tiền bị giữ lại” và được chuyển vào tài khoản của Chủ đầu tư cho đến khi Nhà thầu nộp đầy đủ Hồ sơ theo quy định.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 47.1(d)</b>	<p>Trường hợp sửa đổi hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo quy định của Luật Xây dựng và pháp luật khác có liên quan;</li> <li>- Trường hợp cần đẩy nhanh tiến độ hoàn thành dự án, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu huy động bổ sung nhân sự, thiết bị, tăng mức thi công để đáp ứng mốc tiến độ hoàn thành theo yêu cầu.</li> </ul>

<b>E-ĐKC 47.7</b>	<p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu <b>0%</b> giá trị giảm giá hợp đồng.</p>
<b>E-ĐKC 49.1</b>	<p>Mức phạt:</p> <p>1) Phạt hợp đồng: Tổng số tiền phạt không quá <b>12,0% giá trị hợp đồng</b>, kinh phí phạt được khấu trừ vào hồ sơ thanh toán của Nhà thầu; trường hợp Nhà thầu là liên danh sẽ khấu trừ theo tỷ lệ tương ứng với công việc đảm nhận hoặc tương ứng vi phạm của từng thành viên liên danh (trường hợp xác định vi phạm độc lập).</p> <p>Số tiền phạt đối với các lỗi vi phạm của nhà thầu sẽ được trừ vào giá trị nghiệm thu thanh toán trong lần thanh toán kế tiếp lần vi phạm đó, mức phạt cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu chậm tiến độ thực hiện gói thầu so với ngày nghiệm thu hoàn thành công trình thì phạt <b>0,5% giá hợp đồng</b> ứng với mỗi 01 ngày chậm.</li> <li>- Nếu chậm tiến độ giao nộp hồ sơ hoàn thành công trình so với ngày yêu cầu quy định tại Điều 8 thì phạt <b>0,05% giá hợp đồng</b> ứng với mỗi 01 ngày chậm.</li> <li>- Nếu chậm tiến độ giao nộp hồ sơ quyết toán hợp đồng so với ngày yêu cầu quy định (45 ngày kể từ ngày bàn giao công trình đưa vào khai thác sử dụng) thì phạt <b>0,1% giá hợp đồng</b> ứng với mỗi 01 ngày chậm.</li> </ul> <p>b) Phạt vi phạm khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp Nhà thầu thi công không thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo An toàn giao thông, An toàn lao động và Vệ sinh môi trường theo đúng quy định trong hợp đồng, ngoài việc phải khẩn trương khắc phục các vi phạm, Nhà thầu sẽ bị phạt với giá trị bằng tối thiểu 05 triệu đồng cho mỗi lần vi phạm mà Chủ đầu tư/cơ quan có thẩm quyền có văn bản phê bình, chấn chỉnh nhắc nhở.</li> <li>- Trường hợp Nhà thầu huy động nhân sự không đúng quy định và thiết bị chủ yếu không đảm bảo yêu cầu, khác với chấp thuận, ngoài việc phải khẩn trương khắc phục, Nhà thầu sẽ bị phạt với giá trị bằng 05 triệu đồng cho mỗi lần vi phạm mà Chủ đầu tư có văn bản phê bình, chấn chỉnh nhắc nhở.</li> <li>- Nếu chỉ huy trưởng công trường bị Phê bình quá 03 lần bằng văn bản của Chủ đầu tư thì ngoài việc Nhà thầu bị phạt với giá trị như quy định ở trên, Nhà thầu sẽ phải thay thế chỉ huy trưởng công trường khác.</li> </ul> <p>c) Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Nhà thầu có các hành vi vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định 16/2022/NĐ-CP mà</p>

bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện, xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng thì Nhà thầu còn phải có trách nhiệm nộp phạt theo quy định.

(1) Vi phạm về tiến độ thực hiện hợp đồng do lỗi chủ quan của Nhà thầu: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tùy theo mức độ vi phạm mà Chủ đầu tư có văn bản từ đôn đốc, chấn chỉnh, đến Phê bình và cao nhất là Cảnh cáo. Nhà thầu sẽ bị văn bản Cảnh cáo trong các trường hợp sau:

i/Vi phạm lặp lại của Nhà thầu đến lần thứ 3 trở đi (đã bị 2 văn bản Phê bình trước đây);

ii/Chậm tiến độ thực hiện gói thầu quá 20% thời gian thực hiện gói thầu. Việc vi phạm chất lượng của Nhà thầu sẽ bị xử lý như sau:

a) Vi phạm lần đầu: bất kỳ khi nào Nhà thầu được xác định chậm tiến độ so với Biểu tiến độ thi công chi tiết, Chủ đầu tư sẽ đưa ra thông báo đôn đốc, nhắc nhở Nhà thầu. Trong vòng không quá 05 ngày từ khi có thông báo, Nhà thầu có trách nhiệm gửi văn bản trình Chủ đầu tư để xem xét, chấp thuận về Biểu tiến độ thi công chi tiết được cập nhật điều chỉnh, đồng thời có cam kết cụ thể về biện pháp khắc phục, đẩy nhanh để bù tiến độ.

b) Vi phạm từ lần thứ 2: từ khi xác định việc vi phạm tiến độ lần thứ 2 trở đi, Chủ đầu tư thông báo và kiểm tra tiến độ thực hiện theo cam kết của Nhà thầu, nếu thấy Nhà thầu vẫn tiếp tục vi phạm về tiến độ và các cam kết về biện pháp khắc phục, Chủ đầu tư sẽ đưa ra văn bản phê bình Nhà thầu. Trong vòng không quá 05 ngày từ khi có văn bản thông báo, Nhà thầu có trách nhiệm gửi văn bản trình Chủ đầu tư để xem xét, chấp thuận về Biểu tiến độ thi công chi tiết được cập nhật điều chỉnh, có cam kết cụ thể về biện pháp khắc phục, đẩy nhanh để bù tiến độ (tăng mũi thi công, dây chuyền thiết bị; tăng cường nhân sự, tài chính; ...), đồng thời cam kết sẽ bị đánh giá về uy tín nếu tiếp tục vi phạm tiến độ.

c) Vi phạm tiến độ nghiêm trọng:

- Sau khi Nhà thầu vi phạm tiến độ mà đã bị đến 02 văn bản phê bình của Chủ đầu tư hoặc trong khoảng quá 70% thời gian thực hiện gói thầu mà Nhà thầu không có sự nỗ lực, hợp tác hoặc được xác định chậm tiến độ đáng kể, không có khả năng hoàn thành đúng tiến độ thực hiện gói thầu, Chủ đầu tư sẽ đưa ra văn bản cảnh cáo Nhà thầu.

- Trong vòng không quá 03 ngày từ khi có văn bản, Nhà thầu có trách nhiệm gửi văn bản trình Chủ đầu tư để xem xét, chấp thuận về Biểu tiến độ thi công chi tiết được cập nhật điều chỉnh, có cam kết cụ thể về biện pháp khắc phục, đẩy nhanh để bù tiến độ (tăng mũi thi công, dây chuyền thiết bị; tăng cường nhân sự, tài chính; ...).

- Trường hợp thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ của gói thầu mà các thành viên còn lại không có biện pháp hỗ trợ để tiếp tục thực hiện hợp đồng thì xử lý như sau:

i/ Phạt hợp đồng theo quy định trong hợp đồng đối với tất cả các thành viên liên danh;

ii/ Tịch thu giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng của tất cả thành viên liên danh;

iii/ Chấm dứt hợp đồng với thành viên của liên danh mà vi phạm hợp đồng;

iv/ Phần công việc của thành viên vi phạm được giao cho các thành viên còn lại thực hiện nếu các thành viên này đủ năng lực, kinh nghiệm. Trong trường hợp này, các thành viên còn lại phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng mới tương ứng với giá trị phần công việc chưa thực hiện của gói thầu.

- Trường hợp Nhà thầu thực hiện gói thầu vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, của gói thầu thì Chủ đầu tư xem xét, báo cáo người có thẩm quyền quyết định cho phép chấm dứt hợp đồng với Nhà thầu đó; Nhà thầu vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng. Đối với phần công việc chưa thực hiện được áp dụng hình thức chỉ định thầu cho nhà thầu khác với giá trị được tính bằng giá trị ghi trong hợp đồng trừ đi giá trị của phần công việc đã thực hiện, được nghiệm thu trước đó hoặc hình thành gói thầu mới để tổ chức lựa chọn nhà thầu.

(2) Phạt vi phạm về chất lượng: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tùy theo mức độ vi phạm mà Chủ đầu tư có văn bản từ chấn chỉnh, đến Phê bình và cao nhất là Cảnh cáo. Nhà thầu sẽ bị văn bản Cảnh cáo trong các trường hợp sau:

i/Vi phạm nghiêm trọng có giá trị trên **15% giá trị hợp đồng**;

ii/Cố tình vi phạm nghiêm trọng về chất lượng;

iii/Hệ thống quản lý chất lượng của Nhà thầu không đúng quy định, tiềm ẩn và đã bắt đầu có nguy cơ ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng công trình. Việc chậm tiến độ thi công của Nhà thầu sẽ bị xử lý như sau:

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Chủ đầu tư phát hiện công trình, hạng mục công trình không đảm bảo chất lượng, Chủ đầu tư sẽ có văn bản yêu cầu Nhà thầu khắc phục, sửa chữa.

- Kể từ ngày có văn bản yêu cầu Nhà thầu khắc phục, sửa chữa, nếu sau **07 ngày** đối với các hạng mục có liên quan đến công tác đảm

bảo ATGT, hạng mục trên tuyến đường quan trọng, lưu lượng giao thông lớn và sau **21 ngày** đối với các hạng mục thông thường mà Nhà thầu không khắc phục, sửa chữa hoàn toàn hư hỏng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của dự án thì Chủ đầu tư sẽ đưa ra văn bản phê bình nhà thầu.

- Trường hợp thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng của gói thầu mà các thành viên còn lại không có biện pháp hỗ trợ để tiếp tục thực hiện hợp đồng thì xử lý như sau:

i/ Phạt hợp đồng theo quy định trong hợp đồng đối với tất cả các thành viên liên danh;

ii/ Tịch thu giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng của tất cả thành viên liên danh;

iii/ Chấm dứt hợp đồng với thành viên của liên danh mà vi phạm hợp đồng;

iv/ Phần công việc của thành viên vi phạm được giao cho các thành viên còn lại thực hiện nếu các thành viên này đủ năng lực, kinh nghiệm. Trong trường hợp này, các thành viên còn lại phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng mới tương ứng với giá trị phần công việc chưa thực hiện của gói thầu.

- Trường hợp Nhà thầu thực hiện gói thầu vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng của gói thầu thì Chủ đầu tư xem xét, báo cáo người có thẩm quyền quyết định cho phép chấm dứt hợp đồng với nhà thầu đó; nhà thầu vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng. Đối với phần công việc chưa thực hiện được áp dụng hình thức chỉ định thầu cho nhà thầu khác với giá trị được tính bằng giá trị ghi trong hợp đồng trừ đi giá trị của phần công việc đã thực hiện, được nghiệm thu trước đó hoặc hình thành gói thầu mới để tổ chức lựa chọn nhà thầu.

### (3) Đánh giá về uy tín:

- Trong thời gian thực hiện hợp đồng (giai đoạn thi công và giai đoạn bảo hành) mà Nhà thầu có vi phạm chất lượng, tiến độ mà đã bị Chủ đầu tư có quá 03 văn bản cảnh cáo) thì Nhà thầu sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín và tùy mức độ vi phạm mà Chủ đầu tư có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, Nhà thầu đang có nghĩa vụ trong giai đoạn bảo hành mà phải sửa chữa các vi phạm về chất lượng công trình (do lỗi của Nhà thầu), bị Chủ đầu tư có quá 03 văn bản yêu cầu khắc phục mà Nhà thầu chây ỳ, chậm/chưa khắc phục triệt để các hư hỏng, thì đánh giá nhà thầu không hoàn thành hợp đồng.

<b>E-ĐKC 49.2</b>	Bồi thường thiệt hại: Không áp dụng.
<b>E-ĐKC 49.3</b>	Thưởng hợp đồng: không áp dụng.
	<b>E. Kết thúc hợp đồng</b>
<b>E-ĐKC 54</b>	<p>Thời gian bàn giao công trình: <b>30 ngày</b> kể từ ngày công trình được nghiệm thu hoàn thành.</p> <p>Sau khi hoàn thành công trình, Nhà thầu phải thực hiện hoàn thiện hồ sơ hoàn công, làm các thủ tục nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng theo mốc thời gian nêu trên. Trường hợp ngoài thời gian quy định nêu trên, Nhà thầu phải thực hiện việc quản lý, bảo dưỡng thường xuyên theo các quy định của pháp luật bằng kinh phí của nhà thầu.</p> <p>* Yêu cầu về bảo hành công trình: Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng, Nhà thầu phải:</p> <p>Thực hiện việc bảo hành công trình trong thời gian <b>12 tháng</b> kể từ ngày công trình được bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng;</p> <p>- Số tiền giữ lại để thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình của nhà thầu tương ứng bằng <b>5% giá trị hợp đồng</b> được Chủ đầu tư chuyển vào tài khoản tạm giữ bảo hành: ..... mở tại Ngân hàng ..... hoặc Nhà thầu có thể thay thế tiền giữ lại bằng thư bảo lãnh ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam. Trường hợp Nhà thầu thực hiện bảo hành công trình bằng thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam để thực hiện nghĩa vụ bảo hành thì thời gian có hiệu lực của thư bảo lãnh đến khi có xác nhận hoàn thành trách nhiệm nghĩa vụ bảo hành của Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>Nhà thầu chỉ được hoàn trả tiền bảo đảm bảo hành công trình sau khi kết thúc thời gian bảo hành và được chủ đầu tư nghiệm thu, xác nhận bằng văn bản đã hoàn thành nghĩa vụ bảo hành công trình (Không hoàn trả thư bảo lãnh bảo hành).</p> <p>Trong thời gian bảo hành công trình Bên nhận thầu phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Bên nhận thầu gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của Bên nhận thầu. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 21 ngày sau khi nhận được thông báo của Bên giao thầu về các lỗi này. Nếu quá thời hạn này mà Bên nhận thầu không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì Bên giao thầu có quyền thuê một nhà thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Bên nhận thầu chịu và sẽ được khấu trừ vào tiền</p>

	<p>bảo hành của Bên nhận thầu và thông báo cho Bên nhận thầu giá trị trên, Bên nhận thầu buộc phải chấp thuận giá trị trên. Trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ chấp thuận bị đánh giá là không hoàn thành Hợp đồng. Nếu chi phí sửa chữa vượt quá <b>5% giá trị giữ lại</b> để bảo hành Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán phần vượt quá đó cho bên thứ ba.</p>
<b>E-ĐKC 55.1</b>	<p>Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: Nhà thầu phải hoàn thành và nộp cho Chủ đầu tư bản vẽ hoàn công theo quy định của pháp luật hiện hành (hồ sơ, tài liệu bản giấy, gồm cả bản scan [định dạng file PDF]) trong vòng <b>15 ngày</b> kể từ ngày hoàn thành công trình. Nếu sau <b>15 ngày</b> kể từ ngày hoàn thành công trình mà Nhà thầu không hoàn thành các công việc nội nghiệp theo tiến độ yêu cầu khi đó sẽ bị coi là Nhà thầu đang vi phạm, không hoàn thành hợp đồng.</p>
<b>E-ĐKC 55.2</b>	<p>Số tiền giữ lại: Khoảng <b>50.000.000 VNĐ/ mỗi ngày nộp chậm</b></p>
<b>E-ĐKC 56.1(a)</b>	<p>Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong <b>30 ngày</b> kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.</p>